

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI



EVNGENCO 2
TPC PHA LAI

Địa chỉ: Phường Phả Lại – Thị xã Chí Linh - Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 02203 881 126

Fax: 02203 881 388

Webside: www.ppc.evn.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **NĂM 2017**

Hải Dương, tháng 4 năm 2017

SỐ 1840/BC-PPC

Hải Dương, ngày 1 tháng 4 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
NĂM 2017**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại**
- Tên giao dịch quốc tế: Pha Lai Thermal Power Joint-Stock Company
- Giấy chứng nhận: 0403000380 Ngày 25 tháng 01 năm 2006
- Đăng ký Kinh doanh số: 0800296853 Ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh 6, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

- Vốn điều lệ: **3.262.350.000.000 VND** *(Ba tỷ, hai trăm sáu mươi hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng Việt Nam)*
- Trụ sở chính: phường Phả Lại - thị xã Chí Linh - tỉnh Hải Dương
- Điện thoại: 02203 881 126 Fax: 02203 881 338
- Website: <http://www.ppc.evn.vn>
- Mã cổ phiếu: **PPC**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại) được thành lập theo Quyết định số 22 ĐL/TCCB ngày 26/4/1982 của Bộ Điện lực là đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty Điện lực I.

Kể từ ngày 01 tháng 4 năm 1995 Nhà máy là đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (theo Quyết định số 121NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng lượng), hạch toán phụ thuộc.

Ngày 30 tháng 3 năm 2005 Bộ Công Nghiệp có Quyết định số 16/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại, hạch toán độc lập - thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 18 tháng 5 năm 2005 Tổng Công ty Điện lực Việt Nam có văn bản số 2436/CV-EVN-TCKT hướng dẫn bàn giao tài chính khi chuyển các nhà máy điện thành Công ty hạch toán độc lập, Công ty TNHH một thành viên, theo đó Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại chính thức chuyển sang hạch toán độc lập từ ngày 01/7/2005.

Thực hiện Quyết định số 3537/QĐ-TCCB ngày 31/12/2004 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa, Công ty Nhiệt điện Phả Lại đã hoàn thành công tác cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26/01/2006; đăng ký thay đổi lần 6: ngày 10 tháng 05 năm 2013.

2.2. Các mốc sự kiện quan trọng

Năm	Sự kiện kiện
1982	Thành lập Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại theo quyết định của Bộ Điện lực, trực thuộc Công ty Điện lực I.
1983	Tổ máy số 1 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1984	Tổ máy số 2 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1985	Tổ máy số 3 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1986	Tổ máy số 4 (dây chuyền I) được đưa vào vận hành
1995	Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
2001	Tổ máy số 5 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2002	Tổ máy số 6 (dây chuyền II) được đưa vào vận hành
2005	Bộ Công nghiệp quyết định chuyển Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại thành Công ty Nhiệt điện Phả Lại
2005	Bộ Công nghiệp có quyết định về việc chuyển Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
26/1/2006	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu cho Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
13/3/2006	Bộ Công nghiệp đã có văn bản số 1294/BCN-TCCB đồng ý về chủ trương bán tiếp cổ phần Nhà nước.
15/5/2006	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 12/QĐ-TTGDHN chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
19/5/2006	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK Hà Nội
8/1/2007	TTGDCK Hà Nội có quyết định chấp thuận hủy đăng ký giao dịch tự nguyện cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại để chuyển sang niêm yết tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
17/01/2007	UBCKNN có quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tại TTGDCK TP Hồ Chí Minh.
26/01/2007	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được chính thức giao dịch trên TTGDCK TP Hồ Chí Minh.

3. Ngành nghề kinh doanh

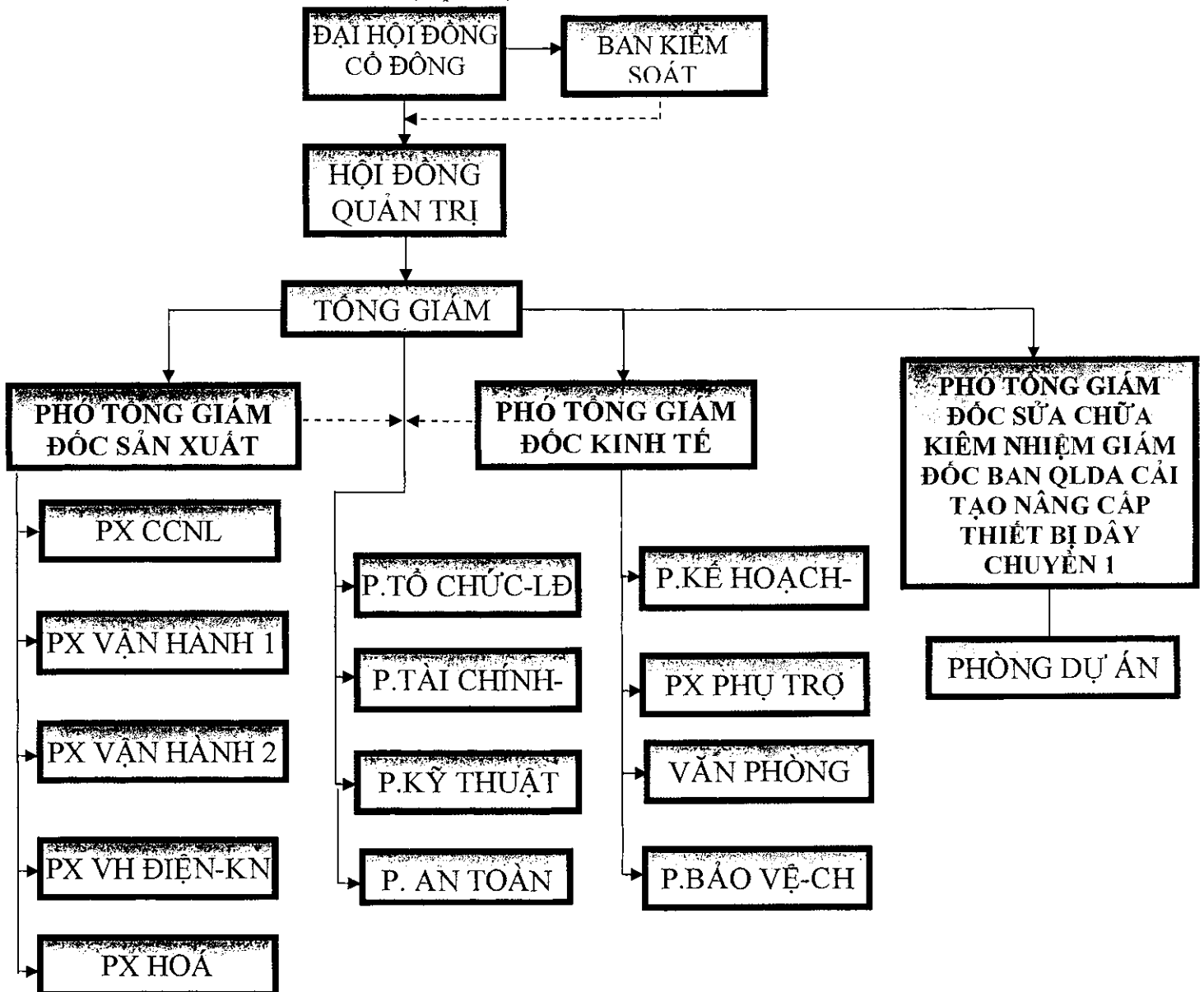
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các công trình nhiệt điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện; Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4.3 Các công ty con, Công ty liên kết

- Công ty con: Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (NPS)

+ Địa chỉ: Phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:

+ Vốn thực góp: 27.476.250.000 VNĐ

+ Tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc: 50%

Ngày 17/2/2017, PPC đã thoái thành công toàn bộ số cổ phiếu nắm giữ tại NPS. Và từ năm 2017 NPS không là công ty con của PPC.

- Các công ty liên kết: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng

+ Địa chỉ: Xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện). Toàn bộ sản lượng điện Công ty phát lên điện lưới Quốc gia được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

+ Vốn thực góp: 1.451.055.770.150 VND

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng: 25,97%

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đảm bảo vận hành các tổ máy an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện sản xuất hàng năm đạt từ 5,6 tỷ kWh trở lên;

- Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra;

- Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa lớn, cải tạo, nâng cấp thiết bị máy móc, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của hệ thống điện quốc gia;

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

- Thực hiện các dự án về môi trường nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất điện đi liền với hoạt động bảo vệ môi trường.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục việc thực hiện các dự án môi trường và dự án nâng cấp, cải tạo DC1.

- Đầu tư tài chính dài hạn và ngắn hạn để sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản, lợi nhuận hàng năm để lại và các nguồn khác, tạo niềm tin và đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông;

5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và Cộng đồng của Công ty:

- Tiếp tục duy trì khai thác bán xỉ, tro bay và thạch cao để góp phần cải tạo môi trường và nâng cao lợi nhuận trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tham gia các chương trình từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

6. Các rủi ro

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Yên Nhật Bản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, Ban điều hành Công ty đã đề ra những mục tiêu và các giải pháp trọng tâm để thực hiện kế hoạch năm 2017 đảm bảo sản xuất điện an toàn và kinh tế; Sử dụng linh hoạt các nguồn vốn của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và hiệu quả cao.

Năm 2017 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Kinh tế thế giới tăng trưởng và phục hồi chậm, sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu tác động mạnh tới kinh tế thế giới và gây áp lực đến tình hình sản xuất trong nước. Trong bối cảnh như vậy, ngay từ đầu năm Ban điều hành Công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp và nhiệm vụ cụ thể, trong đó trọng tâm là đề án “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động” nhằm thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

Trong năm, Công ty sản xuất được 4.998 tỷ kWh chỉ đạt 89,39 % so với kế hoạch năm. Tuy nhiên, do bám sát thị trường góp phần tăng doanh thu bán điện cùng với việc thực hiện tiết giảm chi phí sản xuất, lợi nhuận trước thuế năm 2017 đạt 1.003 tỷ đồng, bằng 138,8% so với kế hoạch.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh năm 2017 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	So sánh TH 2017/TH2016 (%)	So sánh TH2017/KH 2017 (%)
1.	Sản lượng điện sản xuất (Triệu kWh)	5.246	5.591	4.998	95,27	89,39
2.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Triệu đồng)	468.212	640.386	790.712	168,88	123,47
3.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính (Triệu đồng)	277.677	146.851	292.332	105,28	199,07
4.	Lợi nhuận trước thuế (Triệu đồng)	657.516	722.782	1.003.196	152,57	138,80

(Nguồn BCTC PPC đã kiểm toán năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/04/2017)

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Chủ tịch HĐQT và Ban điều hành

1. Ông Phạm Kim Lâm - Chủ tịch HĐQT;
2. Ông Phạm Văn Thư - Tổng Giám đốc;
3. Ông Nguyễn Văn Quyên - Phó Tổng Giám đốc;

4. Ông Nguyễn Văn Thủy - Phó Tổng Giám đốc;
 5. Ông Nguyễn Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc.
 6. Ông Lê Thế Sơn - Kế toán trưởng

<p>1</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Chức danh ❖ Giới tính ❖ Ngày tháng năm sinh ❖ Nơi sinh ❖ Dân tộc ❖ Quốc tịch ❖ Địa chỉ thường trú ❖ Trình độ văn hoá ❖ Số CMND ❖ Trình độ đào tạo ❖ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty ❖ Quá trình công tác: <ul style="list-style-type: none"> - Từ 05/1984 – 08/1993: - Từ 09/1993 – 08/2004: - Từ 09/2004 – 04/2008: - Từ 17/4/2008 – 07/12/2012: - Từ 08/12/2012 đến tháng 04/2013: - Từ 05/2013 đến nay ❖ Số cổ phần nắm giữ <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần cá nhân sở hữu - Số cổ phần đại diện phần vốn nhà nước ❖ Hành vi vi phạm pháp luật ❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty 	<p>Ông Phạm Kim Lâm</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Nam</p> <p>26/12/1958</p> <p>Thanh Thủy, Thanh Hà, Hải Dương</p> <p>Kinh</p> <p>Việt Nam</p> <p>phường Phả Lại, thị xã Chí Linh, Hải Dương</p> <p>10/10</p> <p>141786765 cấp ngày 05/01/2006 tại Hải Dương</p> <p>Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Chuyên viên kế toán tổng hợp, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng Tài vụ Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Kế toán trưởng Công ty Nhiệt điện Phả Lại (Từ tháng 01/2006 là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại)</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại</p> <p>105.840 cổ phần</p> <p>Đại diện 40% Phần vốn NN của Tổng Công ty Phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 66.556.758 CP.</p> <p>Không</p> <p>Không</p>
<p>2</p>	<p>Ông Phạm Văn Thư</p> <p>Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ</p>

❖ Chức vụ hiện tại	phần Nhiệt điện Phả Lại Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
❖ Giới tính	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	07/08/1959
❖ Nơi sinh	Xã Việt Tiên, Huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng
❖ Quốc tịch	Việt Nam
❖ Dân tộc	Kinh
❖ Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, Thị xã Chí Linh, Hải Dương
❖ Trình độ văn hoá	10/10
❖ Số CMND	141403938 cấp ngày 13/01/2006 tại Hải Dương
❖ Trình độ đào tạo	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân chính trị.
❖ Quá trình công tác:	
- Từ 11/1977 – 08/1982:	Công nhân sửa chữa lò hơi nhà máy điện Việt Trì - Vĩnh Phúc
- Từ 09/1982 – 08/1986:	Công nhân sửa chữa lò - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 09/1986 – 05/1990:	Học trường Đại học công nghiệp Thái Nguyên
- Từ 06/1990 – 07/1992:	Kỹ thuật viên phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 08/1992 – 06/2000:	Phó quản đốc phân xưởng đại tu thiết bị cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 07/2000 – 12/2005:	Quản đốc phân xưởng Đại tu cơ nhiệt - Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 01/2006 – 06/2007:	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa cơ nhiệt - Công ty CP nhiệt điện Phả Lại
- Từ 07/2007 – 11/2011:	Phó Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
- Từ 12/2011 – 04/2013:	Tổng Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc
- Từ 05/2013 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
❖ Số cổ phần nắm giữ:	
- Số cổ phần PPC cá nhân nắm giữ	90.050 cổ phần
- Số cổ phần đại diện phần vốn	Đại diện 30% Phần vốn NN của Tổng công ty

Nhà nước	phát điện 2 tại Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại, tương đương 49.917.569 CP.
❖ Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
4 Ông Nguyễn Văn Quyên	
❖ Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖ Giới tính	Nam
❖ Ngày tháng năm sinh	10 tháng 03 năm 1960
❖ Nơi sinh	Thuy Phong, Thái Thụy, Thái Bình
❖ Quốc tịch	Việt Nam
❖ Dân tộc	Kinh
❖ Địa chỉ thường trú	Nhà 44/77 Lạc Trung, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng Hà Nội
❖ Trình độ văn hoá	10/10
❖ Số CMND	Chứng Minh thư số 013286129 cấp ngày 17 tháng 04 năm 2010 do công an Hà Nội cấp
❖ Trình độ đào tạo	Thạc Sĩ QTKD
❖ Quá trình công tác:	
- Từ 1984 – 1988:	Nhân viên phòng kế hoạch vật tư – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1988 – 1990:	Nhân viên phòng vật tư sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1990 – 1992:	Học lớp bồi dưỡng kế toán cho kỹ sư học tại trường bồi dưỡng Cán bộ Thanh Xuân Hà Nội
- Từ 1990 – 1996:	Nhân viên phòng Tài vụ sản xuất – Nhà máy nhiệt điện Phả Lại
- Từ 1996 – 10/1997:	Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 10/1997 – 06/2002:	Phó phòng TCKT Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 07/2002 – 11/2002:	Phó phòng kế hoạch Ban QLDA nhà máy nhiệt điện Phả Lại 2
- Từ 11/2002 – 06/2013:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần nhiệt điện Hải Phòng. Năm 2009 đến 2010 học thạc sỹ QTKD
- Từ 06/2012 – 11/2013:	Ủy viên HĐQT kiêm kế toán trưởng Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 11/2013 – 07/2015:	Ủy viên HĐQT kiêm phó tổng Giám đốc kinh tế Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng
- Từ 07/2015 đến nay	Phó Tổng giám đốc kinh tế Công ty Cổ phần

		nhiệt điện Phả Lại, kiêm ủy viên HĐQT Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng
❖	Số cổ phần nắm giữ	Không
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
5	Ông Nguyễn Văn Thủy	
❖	Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	26/6/1963
❖	Nơi sinh	Xã Vạn Ninh, huyện Gia Bình, T.Bắc Ninh
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phường Phả Lại, TX Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142469226 cấp ngày 12/01/2006 tại CA Hải Dương
❖	Trình độ đào tạo	Kỹ sư Tự động hóa. Cao cấp lý luận chính trị
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 04/1987 – 03/1992:	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại.
	- Từ 04/1992 – 01/1995:	Kỹ sư - Kỹ thuật viên phân xưởng Đại tu điện kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 02/1995 – 06/1999:	Trưởng ca sản xuất NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/1999 – 10/2001:	Quản đốc phân xưởng Kiểm nhiệt NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 11/2001 – 01/2006:	Quản đốc phân xưởng Sửa chữa tự động - điều khiển NM Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 02/2006 – 08/2010:	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 09/2010 – 06/2012:	Quản đốc phân xưởng Vận hành I Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2012 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	15 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
6	Ông Nguyễn Văn Tuấn	
❖	Chức vụ hiện tại	- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.

		- Kiêm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1.
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	18/08/1961
❖	Nơi sinh	Vĩnh Khúc, Văn Giang, Hưng Yên
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142464379
❖	Trình độ đào tạo	Thạc sỹ QTKD; kỹ sư hệ thống điện
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 10/1982 – 03/1999:	Kỹ thuật viên vận hành lò nhà máy điện Phả Lại
	- Từ 04/1999 – 04/2000:	Kỹ thuật viên Tổ CBSX Ban QLDA Phả Lại
	- Từ 05/2000 – 03/2003:	Phó quản đốc PX vận hành nhà máy điện Phả Lại
	- Từ 04/2003 – 05/2005:	Quản đốc PX vận hành 2 nhà máy nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 05/2005 – 08/2010:	Quản đốc PX vận hành 2 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 09/2010 – 06/2015:	Trưởng phòng Tổ chức Lao động Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2015 đến nay	- Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. - Kiêm Giám đốc Ban QLDA cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1.
❖	Số cổ phần nắm giữ	75.810 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
7	Ông Lê Thế Sơn	
❖	Chức vụ hiện tại	- Kế toán trưởng
❖	Giới tính	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	04/02/1962
❖	Nơi sinh	Xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
❖	Quốc tịch	Việt Nam
❖	Dân tộc	Kinh
❖	Địa chỉ thường trú	Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

❖	Trình độ văn hoá	10/10
❖	Số CMND	142469006
❖	Trình độ đào tạo	Thạc sỹ QTKD; Cử nhân kinh tế
❖	Quá trình công tác:	
	- Từ 04/1984 – 02/1998:	Kế toán viên, Nhà máy Diezen Sông Công
	- Từ 03/1998 – 03/2001:	Kế toán viên, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 04/2001 – 04/2008:	Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 05/2008 – 06/2008:	Phụ trách phòng Tài chính Kế toán, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 07/2008 – 03/2009:	Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
	- Từ 04/2009 – Đến nay:	Kế toán trưởng, Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
❖	Số cổ phần nắm giữ	7.140 cổ phần
❖	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
❖	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành năm 2017: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Số TT	ĐƠN VỊ	LAO ĐỘNG (NGƯỜI)			
		Số LĐ đầu kỳ 01/01/2017	LĐ tăng trong kỳ	LĐ giảm trong kỳ	Số LĐ cuối kỳ 31/12/2017
		Tổng			Tổng
A	SẢN XUẤT ĐIỆN				
1	Viên chức quản lý	7	0	0	7
2	Đoàn thể	3	1	1	3
3	Văn phòng	130	60	76	114
4	Tổ chức - Lao động	9	0	0	9
5	Tài chính - Kế toán	9	1	1	9
6	Kế hoạch - Vật tư	59	13	15	57
7	Bảo vệ - Cứu hỏa	64	0	6	58
8	Kỹ thuật	34	1	4	31
9	An toàn	5	0	0	5
10	PX Vận hành 1	221	17	29	209
11	PX Vận hành 2	314	22	28	308
12	PX Vận hành điện - KN	101	3	5	99
13	PX Cung cấp nhiên liệu	210	80	87	203

14	PX Hóa	59	4	6	57
15	PX Phụ trợ	16	1	0	17
16	Ban quản lý dự án	8	0	1	7
	Cộng:	1248	204	260	1192
B	SẢN XUẤT KHÁC	18	1	1	18
	Tổng cộng:	1266	205	261	1210

2.4. Chế độ chính sách đối với người lao động:

a) Chính sách tiền lương:

Công ty đã xây dựng và ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương áp dụng đối với CBCNV Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại theo đúng hướng dẫn của các văn bản pháp luật hiện hành và Quyết định số 214/QĐ-EVN ngày 09/12/2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Công ty có Quy chế trả lương cho người lao động, đảm bảo việc trả lương cho NLD công bằng theo mức độ đóng góp của cá nhân, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Thu nhập bình quân của người lao động trong công ty giữ được sự ổn định so với năm trước.

b) Quản trị nguồn nhân lực :

Công ty luôn chú trọng công tác quản trị nguồn nhân lực: Bố trí luân chuyển và bổ nhiệm một số cán bộ quản lý; Thay thế thiết bị và công nghệ, tối ưu hóa việc phân công lao động trong dây chuyền sản xuất để ít phải bổ sung nhân lực khi NLD về hưu hoặc chuyển công tác; Luôn quan tâm thường xuyên đến công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: đào tạo công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; đào tạo đại học và sau đại học, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên gia.

c) Chính sách khác: Công ty thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động để người lao động luôn có điều kiện tập trung sản xuất, công tác, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo an toàn và hiệu quả; tổ chức các hoạt động phong trào văn hoá, thể thao...

Ngoài các chế độ theo quy định của pháp luật mà người lao động được hưởng, Công ty còn xây dựng ký kết Thỏa ước lao động tập thể trong đó có một số quyền lợi NLD được hưởng cao hơn so với luật như:

+ Được Công ty xem xét ưu tiên cho thuê nhà, nếu chưa có nhà để ở;

+ NLD đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, nếu có nguyện vọng sẽ được Công ty xem xét tuyển dụng con (con đẻ, con nuôi hợp pháp) vào làm việc khi có đủ các điều kiện theo Quy chế tuyển dụng của Công ty;

+ Thường cho các tập thể và cá nhân có thành tích đột xuất trong lao động sản xuất. Thường cho các cá nhân có nhiều thành tích thông qua việc xét cho nghỉ công tác để tham quan du lịch trong và ngoài nước;

+ Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. NLĐ được nghỉ sớm 30 phút vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ lễ tết; được nghỉ không phải làm việc hưởng nguyên các chế độ 03 tháng trước khi về hưu.

+ Người lao động được Công ty mua bảo hiểm tai nạn con người, được trợ cấp thêm tối thiểu 20.000.000 đồng nếu không may bị chết.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình kết quả đầu tư tài chính, góp vốn vào doanh nghiệp khác tại thời điểm 31/12/2017 như sau (số liệu trích từ BCTC PPC đã được kiểm toán năm 2017):

Năm 2017, Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty là 412,27 tỷ đồng. Doanh thu từ lãi tiền gửi, tiền cho vay... đạt 288.44 tỷ đồng, cổ tức lợi nhuận được chia 89,09 tỷ đồng, thanh lý đầu tư tài chính dài hạn 32,52 tỷ đồng, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là 2,21 tỷ đồng.

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty năm 2017 là: 119,94 tỷ đồng. Bao gồm: Lãi tiền vay 72,13 tỷ đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 109,46 tỷ đồng; lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại nợ vay cuối kỳ là 29,97 tỷ đồng; và hoàn nhập dự phòng đầu tư - 92 tỷ đồng, chi phí tài chính khác: 0,37 tỷ đồng.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính năm 2017 là 292,34 tỷ đồng.

3.2. Đầu tư ngắn hạn (Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn).

Đến 31/12/2017, tổng giá trị các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn là: 2.609,47 tỷ đồng. Trong đó:

- Các khoản tương đương tiền là: 176 tỷ đồng, bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn dưới 03 tháng.

- Các khoản tiền gửi ngắn hạn: 550 tỷ đồng, bao gồm các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn 03 tháng và 06 tháng.

- Các khoản EVN và GENCO 2 huy động vốn: 1.883,47 tỷ đồng.

+ Tại ngày 31/12/2017, tổng số tiền Công ty cho EVN huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án ngành điện là 1.280 tỷ đồng. Trong đó 1.000 tỷ đến hạn lần lượt năm 2018: 500 tỷ; năm 2019: 500 tỷ. Số tiền 280 tỷ, EVN trả đều mỗi năm 35 tỷ và trả hết đến năm 2025. Trong năm 2017 công ty đã nhận được số tiền gốc EVN trả là: 535 tỷ đồng và tiền lãi: 168,49 tỷ đồng.

+ Tại ngày 31/12/2017, tổng số tiền Công ty cho GENCO 2 huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án là 603,47 tỷ đồng. Trong năm 2017 công ty đã nhận được số tiền

gốc GECNO 2 trả là: 593,3 tỷ; và số tiền lãi bằng tiền từ khoản huy động vốn này: 74,14 tỷ đồng.

3.3. Đầu tư dài hạn (Đầu tư các dự án điện):

Đến 31/12/2017 Công ty cổ phần nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện đầu tư các dự án điện 2.535,89 tỷ đồng. Trong đó:

- **Góp vốn vào công ty con:** Giá trị đầu tư tại công ty Cổ phần dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc (NPS) tại 01/01/2017 là 27,47 tỷ đồng (tương ứng 2,5 triệu cổ phần, chiếm 50% vốn điều lệ). Ngày 17/2/2017, PPC đã thoái thành công toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại NPS với giá bán bình quân là 24.000 đồng/cổ phần. Số tiền lợi nhuận thu về từ thoái vốn này là: 32,52 tỷ đồng. Giá trị đầu tư tại NPS ngày 31/12/2017 là: **0 đồng.**

- Góp vốn vào công ty liên kết:

Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (HND) với tổng số tiền là: **1.451,05** tỷ đồng, tương đương với 129.850.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 25,97% vốn điều lệ. Năm 2017, Công ty đã nhận tiền cổ tức còn lại năm 2016 là 3% và nhận tiền tạm ứng cổ tức năm 2017 là 3% với tổng số tiền là 77,91 tỷ đồng. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của HND tương đối tốt, lợi nhuận sau thuế TNDN đạt: 395,61 tỷ đồng.

- Đầu tư các dự án điện khác:

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP) với tổng số tiền là: 817,29 tỷ đồng tương đương với 73.587.291 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 16,35% vốn điều lệ. Kết quả sản xuất kinh doanh QTP năm 2017 tương đối tốt, lợi nhuận sau thuế TNDN là 708,88 tỷ. Đến 31/12/2017 còn Lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa phân bổ và Lỗ lũy kế lần lượt là 257,8 tỷ đồng và 774,63 tỷ đồng (số đầu năm lần lượt là 386,7 tỷ đồng và 1.483,52 tỷ đồng).

+ Góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (EIC) từ năm 2010 đến nay với tổng số tiền là: **70,8** tỷ đồng tương đương với 7.080.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ nắm giữ là 19,3%. Trong năm 2017, kết quả sản xuất kinh doanh của EIC đã có lợi nhuận và lợi nhuận này đạt được chủ yếu từ công tác Tư vấn quản lý dự án và tư vấn giám sát. Các dự án Thủy điện cơ bản hoàn thành theo đúng mục tiêu tiến độ của dự án. Đối với dự án thủy điện Hạ Sê San 2, vào ngày 02/12/2017 đã phát điện thành công tổ máy 1 hòa lưới điện Campuchia, như vậy dự án đầu tư đang hình thành rõ ràng, rủi ro đầu tư được giảm thiểu. Dự kiến đến năm 2018 hoàn thành toàn bộ nhà máy. Đối với dự án Thủy điện Hạ Sê san 1/Sê San 5; Sê Koong và Nậm Mô 1: tiếp tục tìm kiếm đối tác để chuyển giao dự án hoặc góp vốn đầu tư tương tự như dự án Hạ Sê San 2.

+ Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với tổng số tiền góp vốn là: **50,25** tỷ đồng tương đương với 5.025.000 cổ phần chiếm tỷ lệ nắm giữ là 15% vốn điều lệ. Năm 2017, Công ty đã nhận cổ tức bằng tiền của năm 2016 là 4,02 tỷ đồng (tỷ lệ 7,048%) và nhận cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 13,5%. Nâng số lượng

cổ phần nắm giữ lên là: 5.703.375 cổ phần. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 của Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đạt 204,87 tỷ đồng (tương ứng 54% VDL).

+ Công ty Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam với tổng giá trị góp vốn là 100 tỷ đồng. Cùng với cổ phiếu thưởng, số lượng cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2017 là 10.876.594 cổ phần. Năm 2017 Công ty đã nhận được cổ tức bằng tiền của năm 2016 là: 6,49 tỷ đồng với tỷ lệ là 5,97%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 của Công ty Cổ phần phát triển điện lực đạt 162,75 tỷ đồng (tương ứng 15,8% VDL).

+ Năm 2007, Công ty đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) với tổng số cổ phiếu là 670.000 cổ phiếu tương đương 46,498 tỷ đồng. Công ty đã nhận cổ tức bằng tiền năm 2016: 0,67 tỷ đồng với tỷ lệ là 10%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 của Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa đạt 96,02 tỷ đồng (tương ứng 15% VDL).

(Cụ thể các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn theo Phụ lục 1 kèm theo)

3.4. Các khoản đầu tư khác

Khoản Ủy thác quản lý vốn tại Công ty TNHH quản lý quỹ Bảo Việt (BVF) tại ngày 31/12/2017 là: 14,35 tỷ. Do hợp đồng UTQLV đã hết hạn từ 6/12/2015 nhưng BVF không thực hiện hoàn trả tiền cho PPC. Tháng 4/2016, PPC chuyển khoản đầu tư này sang khoản phải thu và thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định. Tháng 7/2016 PPC cùng đơn vị Tư vấn luật khởi kiện BVFMC ra tòa. Đến tháng 1/2017, Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm đã thụ lý hồ sơ khởi kiện. PPC trên đã sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi vốn kể cả gửi văn bản đến Tập đoàn Bảo Việt và Chủ tịch Tập đoàn Bảo Việt nhưng đều không có hồi đáp. PPC cùng luật sư của mình nhiều lần yêu cầu Tòa án đưa vụ việc ra xét xử nhưng do tình tiết quan hệ tranh chấp của vụ án phức tạp nên công việc xét xử của Tòa án đã không tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thời gian tới PPC và Luật sư tiếp tục đôn đốc và có các văn bản kiến nghị hoặc khiếu nại gửi đến Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm, tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội, Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh để thúc đẩy vụ án và thực hiện việc truy đòi lại số tiền tại BVF.

4. Tình hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	So sánh 2017/2016 (%)
1.	Tổng giá trị tài sản	7.548,45	10.725,11	70,38
2.	Doanh thu thuần	6.235,98	5.865,84	106,31
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.002,37	658,55	152,21

4.	Lợi nhuận khác	0,83	(1,03)	
5.	Lợi nhuận trước thuế	1.003,20	657,52	152,57
6.	Lợi nhuận sau thuế	854,00	599,00	142,57
7.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	2.680	2.063	129,91

(Nguồn BCTC PPC đã kiểm toán năm 2017)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016	Ghi chú
1.	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
	+ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn: (TSLĐ (TSNH)/Nợ ngắn hạn)	Lần	2,29	3,89	
	+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	Lần	1,94	3,64	
2.	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
	+ Hệ số Nợ (nợ phải trả/ Tổng tài sản)	Lần	0,27	0,50	
	+ Hệ số Tài trợ (Nợ phải trả/Vốn CSH)	Lần	0,38	0,99	
3.	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
	+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Lần	9,87	8,92	
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,80	0,50	
4.	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	%	13,68	10,21	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,59	11,14	
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,31	5,58	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 326.235.000 (Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) Cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/3/2018 (Theo danh sách chốt cổ đông ngày 26/3/2018- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

TT	Nội dung	Số nhà đầu tư	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ %	Ghi chú
I	Tổng số cổ phần		326.235.000	100	
1	Cổ phiếu quỹ	1	5.621.946	1,72	
2	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	3	270.569.796	82,94	Genco2; REE; SAMARANG UCITS.
3	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	7.474	50.043.258	15,34	
II.2	Phân loại CP đang lưu hành theo chủ thể sở hữu				
II.2.1	Cá nhân	7.346	17.578.450	5,39%	
II.2.2	Tổ chức	132	308.656.550	94,61	
II.2.3	Trong nước	6.801	271.046.358	83,08	
II.2.4	Nước ngoài	677	55.188.642	16,92	
II.2.5	Cổ đông nhà nước	2	166.454.626	51,02	
II.2.6	Cổ đông khác	7.476	159.780.374	48,98	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Từ ngày 11/9/2017 đến ngày 10/10/2017, Công ty thực hiện bán 2.458.440 cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ sở hữu từ 8.080.386 giảm xuống còn 5.621.846 CP.

e) Các chứng khoán khác: *Không*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên liệu sử dụng trong năm

Tổng lượng than sử dụng để sản xuất điện là: 2,07 triệu tấn.

Tổng lượng dầu sử dụng để sản xuất điện là: 7,58 nghìn tấn.

b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không*

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Năm 2017, Sản lượng điện tự dùng cho sản xuất là: 551,08 triệu kWh.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước Sông Lục đầu Giang
- Lượng nước trong sử dụng: 719,71 triệu m³ (trong đó chủ yếu là nước làm mát máy 718,8 triệu m³ và 0,91 triệu m³ phục vụ khử khoáng và phục vụ sinh hoạt).
- b) Tỷ lệ lượng nước tái chế và tái sử dụng: 99,87%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 1 lần.
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 168 triệu đồng do phát thải SOx DCI vượt ngưỡng quy định.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Lao động bình quân năm 2017 là 1.237 người, mức tiền lương bình quân 14,92 triệu đồng/người/tháng, thu nhập bình quân của người lao động là 16,94 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện việc bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho NLĐ làm công việc nặng nhọc độc hại. Năm 2017, công ty đã thực hiện bồi dưỡng độc hại hơn 900 lao động, với số tiền tương ứng 2,97 tỷ đồng.

Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ đợt 1 cho 911 lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại và đợt 2 cho toàn bộ 1.191 người lao động trong Công ty. Đồng thời Công ty cũng khám phụ khoa cho 296 lao động nữ và khám bệnh nghề nghiệp cho 336 người.

Năm 2017, Công ty đã tổ chức cho 320 CBCNV đi tham quan du lịch trong nước và nước ngoài với tổng số tiền hỗ trợ từ Quỹ Phúc lợi của Công ty là: 3,3 tỷ đồng và từ Quỹ thưởng Ban điều hành là 227 triệu đồng.

Phổ biến kiến thức, huấn luyện ATLĐ, VSLĐ và an toàn điện định kỳ cho 1.100 CBCNV trong Công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty tiếp tục cử 04 cán bộ tham gia khóa đào tạo sau đại học.
- Năm 2017 Công ty giải quyết cho 03 cán bộ diện quy hoạch tham gia khóa đào tạo sau đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh, học tại Đại học Công nghiệp Hà Nội, Viện Quản trị kinh doanh – FPT và Đại học Thái Nguyên.
- Tiếp tục cử 02 cán bộ tham gia khóa đào tạo Cao cấp lý luận chính trị (2 cán bộ này đã tốt nghiệp khóa đào tạo Cao cấp lý luận chính trị).
- Năm 2017 Công ty cử 01 cán bộ là Phó Bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Công đoàn Công ty tham gia khóa đào tạo Cao cấp lý luận chính trị.
- Giải quyết cho 01 cán bộ phụ trách môi trường tham gia khóa đào tạo Đại học chuyên ngành Công nghệ môi trường.

- Công ty đã cử cán bộ tham gia khóa đào tạo độ tin cậy, Hiệu suất nhà máy tại Singapore do EVN tổ chức.

- Phổ biến kiến thức, huấn luyện ATLD, VSLD và an toàn điện định kỳ cho toàn bộ CBCNV trong Công ty.

- Tổ chức các khóa bồi huấn thường xuyên (sát hạch nghề) nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho hơn 710 công nhân kỹ thuật.

- Công ty đã đào tạo được 90 lượt chức danh cho lực lượng vận hành và công việc khác.

- Tổ chức kèm cặp và thi nâng bậc cho 88 công nhân kỹ thuật.

- Tổ chức kèm cặp và thi giữ bậc cho 410 công nhân kỹ thuật.

- Công ty đã mời các đơn vị chức năng về Công ty tổ chức khóa tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho CBCNV trong Công ty, cụ thể như sau:

* Mời Công ty CP PROVIEW về tổ chức khóa đào tạo xây dựng bản đồ chiến lược, thế điểm cân bằng, hệ thống chỉ số đo lường, hiệu quả công việc cho 165 CBCNV.

* Mời chi cục An toàn vệ sinh Thực phẩm tỉnh Hải Dương về tổ chức bồi huấn kiến thức cho 45 CBCNV làm công tác quản lý, chế biến và nấu ăn của Công ty.

* Mời Trung tâm Y tế Dự phòng tỉnh Hải Dương về tổ chức bồi huấn kiến thức sơ cứu tai nạn lao động cho tất cả CBCNV trong Công ty.

* Mời Công an tỉnh Hải Dương về huấn luyện và cấp chứng nhận công tác phòng cháy & Chữa cháy cho 485 CBCNV.

Ngoài ra Công ty còn cử trên 150 lượt CBCNV tham gia các khóa tập huấn, Hội nghị, Hội thảo ... do EVN và GENCO2 và các đơn vị ngoài tổ chức.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2017, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tích cực tham gia công tác xã hội, cụ thể những hoạt động xã hội chính trong năm 2017 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện:

Tổ chức Tết cho các gia đình khó khăn; Phối hợp với chuyên môn nhận phụng dưỡng 5 mẹ VNAHH; Trợ cấp nhân đạo, hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, hội khuyến học, các trường hợp có hoàn cảnh khó khăn, Công ty đã làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, công tác an sinh xã hội, hỗ trợ các huyện nghèo theo nghị quyết 30a của Chính phủ; Tổ chức thăm và tặng quà thương bệnh binh tại Trung tâm Điều dưỡng Thuận Thành, Bắc Ninh vào ngày thương binh liệt sĩ và ngày tết cổ truyền của dân tộc.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017 sản lượng điện sản xuất đạt 4,99 tỷ kWh, đạt 89,39% so với kế hoạch (5,59 tỷ kWh) và bằng 95,27% so với năm trước (5,24 tỷ kWh); Doanh thu từ sản xuất điện đạt: 6.217,49 tỷ đồng, đạt 93.01% so với kế hoạch (6,684.58 tỷ đồng) và bằng 106% so với năm trước; Chi phí cho sản xuất điện đạt 5.593,10 tỷ đồng đạt 89,64% so với kế hoạch (6,239.25 tỷ đồng) và bằng 99,88% so với năm trước (5600 tỷ đồng).

Nguyên nhân sản lượng điện sản xuất thấp hơn so với Kế hoạch là do năm 2017, thời tiết mưa nhiều, lũ tiểu mãn về sớm nên EVN huy động từ các nhà máy thủy điện nhiều hơn. Do vậy mặc dù các tổ máy của Công ty luôn bảo đảm sẵn sàng, nhưng

không được huy động nên sản lượng thấp hơn kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực, cố gắng của cán bộ công nhân viên trong sản xuất, bám sát diễn biến thị trường phát điện cạnh tranh, nên có được doanh thu cao. Cùng với việc quản lý chặt chẽ chi phí sản xuất và lợi nhuận tốt từ hoạt động tài chính, năm 2017 công ty đã đạt tổng lợi nhuận trước thuế: 1.003,20 tỷ đồng, bằng 138,80% kế hoạch (722,78 tỷ đồng) và bằng 152% so với năm trước.

Năm 2017 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã có những tiến bộ sau:

+ Công ty đã sắp xếp lại mô hình tổ chức, bố trí lại lao động hợp lý hơn, phù hợp với yêu cầu sản xuất-kinh doanh, gọn nhẹ và năng động hơn.

+ Dẫn hoàn thiện các Quy chế trong tất cả các lĩnh vực hoạt động quản lý của Công ty.

+ Ý thức chấp hành kỷ luật lao động của người lao động được nâng lên rõ rệt, ngày càng có trách nhiệm với công việc và gắn bó với Công ty.

+ Tăng cường công tác quản lý sản xuất kinh doanh nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí và đạt lợi nhuận cao nhất.

- Các biện pháp kiểm soát:

+ Duy trì công tác đánh giá nội bộ việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;

+ Tăng cường công tác tự kiểm tra và kiểm tra nội bộ trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.

+ Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Trong năm 2017 tài sản của công ty có sự biến động lớn, cụ thể tổng tài sản đầu năm là 10.725,11 tỷ đồng cuối năm là 7.548,45 tỷ đồng giảm 3.176,67 tỷ đồng. Nguyên nhân chính do trong năm Công ty sử dụng các khoản tiền gửi, tiền cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay dài hạn hơn 15 tỷ Yên Nhật (tương đương hơn 3.000 tỷ đồng). Do vậy các khoản mục “Tương đương tiền”, “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”, “Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn” giảm so với đầu năm lần lượt là 564 tỷ đồng, 1.560 tỷ đồng và 878 tỷ đồng:

b) Tình hình nợ phải trả

Đối với Công ty, nợ phải trả có ảnh hưởng và chịu tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đó chính là khoản vay JPY. Đây là khoản vay do Tập đoàn điện lực Việt Nam cho Công ty vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng hợp tác

Quốc tế Nhật Bản (JBIC) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Khoản vay này bắt đầu được ghi nhận tại thời điểm bàn giao vốn Nhà nước cho Công ty Cổ phần là ngày 26/01/2006. Trong năm 2017, Công ty đã trả nợ trước hạn hơn 15 tỷ JPY. Đến thời điểm 31/12/2017 Công ty còn nợ là: 4,69 tỷ JPY tương đương với 950,12 tỷ đồng.

Mặc dù được vay với lãi suất thấp (lãi suất cho vay bình quân của các khoản vay theo từng hiệp định là 2,5%/năm, phí cho vay lại của EVN là 0,2%/năm) nhưng những biến động của tỷ giá là khó kiểm soát, tạo khó khăn cho Công ty trong kế hoạch cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh. Do số dư nợ vay cuối năm 2017 chỉ còn hơn 4 tỷ JPY, nên từ năm 2018 Công ty sẽ giảm bớt rủi ro từ tỷ giá từ khoản vay này.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2017, Công ty duy trì sự ổn định về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Công ty chú trọng phát triển công tác đào tạo nội bộ, nâng cao chất lượng nhân viên. Tiếp tục thực hiện đề án “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và tăng năng suất lao động”

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Duy trì vận hành an toàn - kinh tế các tổ máy phát điện, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó làm tăng doanh thu và lợi nhuận từ sản xuất điện; Góp vốn xây dựng các nhà máy điện, đầu tư tài chính,... mang lại hiệu quả cao.

Trong trung hạn, Công ty tập trung đầu tư các dự án cải tạo môi trường và nâng cấp nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 1.

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm Công ty đã thực hiện quan trắc, đo đạc các chỉ tiêu về môi trường. Các chỉ tiêu môi trường đều đảm bảo trong mức cho phép theo Quy chuẩn hiện hành. Công ty đã tập trung chỉ đạo triển khai các dự án về môi trường như: Hệ thống lọc bụi dây chuyền 1, dự án SOX, NOX dây chuyền 1 và dây chuyền 2, dự án chuyển đổi từ dầu FO sang dầu DO. Các dự án này đang trong giai đoạn lựa chọn nhà thầu.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Trong năm Công ty thực hiện tăng cường việc chấp hành kỷ luật, tăng năng suất lao động. Bảo đảm thu nhập bình quân của người lao động cao hơn năm trước. Kết hợp với Công đoàn chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của NLĐ. Trong năm, công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLĐ, khám phụ khoa cho lao động nữ, đặc biệt đối với công nhân làm công việc nặng nhọc độc hại được khám 2 lần trong

năm. Thực hiện việc bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật theo đúng quy định cho NLD làm công việc nặng nhọc độc hại

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2017, Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại tích cực tham gia công tác xã hội, cụ thể những hoạt động xã hội chính trong năm 2017 Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã thực hiện:

Tổ chức Tết cho các gia đình khó khăn; Quyên góp ủng hộ vùng bão lụt, vùng biên cương hải đảo. Phối hợp với chuyên môn nhận phụng dưỡng 5 mẹ VN Anh hùng; Trợ cấp nhân đạo, hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội, hội khuyến học, ủng hộ xây dựng đền thờ 2.500 liệt sỹ ở tỉnh Quang Trị; Ủng hộ xây 02 nhà “ Mái ấm tình thương” cho phụ nữ nghèo trong địa bàn thị xã Chí Linh; Tổ chức thăm và tặng quà thương bệnh binh tại Trung tâm Điều dưỡng Thuận Thành, Bắc Ninh... Với tổng kinh phí ước tính hàng tỷ đồng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Về Sản xuất điện: Ngoài yếu tố khách quan về thời tiết mưa nhiều, thì sự cố của các tổ máy tăng cao hơn năm trước cũng đã ảnh hưởng đến sản xuất của Công ty. Đặc biệt sự cố tổ máy 2 và thời gian đại tu tổ máy máy 6 kéo dài nên đã kéo theo số giờ ngừng sửa chữa nhiều, vì vậy làm ảnh hưởng lớn đến phương thức vận hành cũng như sản lượng điện có thể phát được. Thị trường phát điện, Công ty đã bám sát thị trường và sự sẵn sàng của các tổ máy để đưa ra chiến lược chào giá phù hợp, đem lại lợi nhuận khá cao góp phần hoàn thành và vượt lợi nhuận so với kế hoạch năm

- Về Tài chính: Mặc dù sản lượng điện sản xuất trong năm chưa đạt kế hoạch, nhưng tổng lợi nhuận của công ty đạt 138% so với kế hoạch là sự cố gắng rất lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty như hệ số thanh toán, hệ số nợ, Cơ cấu nguồn vốn đều bảo đảm ở mức tốt và an toàn.

- Về trách nhiệm môi trường: Công ty đã tích cực trong công tác môi trường, như thực hiện quan trắc, đo đạc môi trường. Triển khai các dự án về lọc bụi, khử khí COx, SOx ... Tuy nhiên tiến độ vẫn còn chậm.

- Về trách nhiệm xã hội: Công ty đã tích cực tham gia có trách nhiệm các hoạt động xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Chính vì vậy, mặc dù trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, xong các chỉ tiêu

chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vẫn được hoàn thành ở mức khá tốt tạo nền tảng cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Tuy nhiên cần lưu ý Ban Tổng Giám trong công tác quản lý mua sắm vật tư thiết bị, tránh để tình trạng làm gia tăng giá trị của kho; Lưu ý việc khai thác các sản phẩm phụ (tro xỉ, thạch cao) đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật; và cần chủ động đẩy nhanh tiến độ trong thời gian tới về vấn đề nâng cấp dự án cải tạo dây chuyền 1.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị sẽ bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện một số vấn đề trọng tâm như sau:

Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả. Các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật vượt mức kế hoạch được giao;

Phấn đấu tiết kiệm chi phí giảm giá thành, tăng tính cạnh tranh. Thực hiện tốt chiến lược chào giá điện, tận dụng tối đa các cơ hội phát điện trên thị trường, đảm bảo mục tiêu trong bất kỳ tình huống nào các tổ máy của Công ty vẫn được bám lưới từ đó góp phần làm tăng doanh thu sản xuất điện;

Sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách hợp lý và hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn bền vững.

Chấp hành đúng các quy định về môi trường, chăm lo đời sống người lao động và tích cực và có trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	-	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Văn Thư	-	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thành Trung	-	Thành viên Hội đồng Quản trị (đến ngày 8/8/2017)
Ông Nguyễn Văn Thanh	-	Thành viên Hội đồng Quản trị (từ ngày 8/8/2017)
Ông Nguyễn Quang Quyền	-	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Lê Tuấn Hải	-	Thành viên Hội đồng Quản trị
-		Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu/đại diện	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
I	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành		
1.	Ô. Nguyễn Thành Trung (đến	49.917.569	Trưởng Ban An toàn -

	ngày 8/8/2017)		Tổng Công ty phát điện 2.
2.	Ông. Nguyễn Văn Thanh (từ ngày 8/8/2017)	49.917.569	Phó Tổng giám Đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (Đại diện 30% phần vốn nhà nước tại PPC)
3.	Ông. Nguyễn Quang Quyền		Giám đốc đầu tư Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE
4.	Ông. Lê Tuấn Hải		Giám đốc kỹ thuật Công ty cổ phần Cơ điện lạnh REE
II Thành viên Hội đồng quản trị khác			
1.	Ông. Phạm Kim Lâm	105.840/66.556.758	ĐD 40% phần vốn Nhà nước tại PPC
2.	Ông. Phạm Văn Thư	90.050/49.917.569	ĐD 30% phần vốn Nhà nước tại PPC

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT chưa thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng giám Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty. Các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua Email, điện thoại ngoài các cuộc họp định kỳ. Việc giám sát Ban Tổng giám đốc Công ty thông qua Chủ tịch HĐQT chuyên trách.

- Các Đại Hội đồng cổ đông trong năm 2017.

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017	25/04/2017	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán. 2. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch năm 2017. 3. Thông qua mức trả cổ tức, phân phối lợi nhuận năm 2016 và dự kiến mức cổ tức năm 2017. 4. Thông qua mức chi trả tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2016 và Dự kiến năm 2017. 5. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2017: Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của đơn vị.

2.	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017	08/08/2017	Miễn nhiệm TVHDQT và bầu bổ sung TV HDQT
----	---	------------	--

- Các quyết Nghị quyết, quyết định biên bản trong năm 2017.

Số TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1.	Nghị quyết Số 119/ NQ-PPC	23/01/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
2.	Số 660/BB-PPC	21/02/2016	Biên bản họp định kỳ quý 4 năm 2016
3.	Nghị quyết Số 120/ NQ-PPC	07/03/2017	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
4.	Nghị quyết Số 121/ NQ-PPC	31/03/2017	Trả nợ trước hạn khoản vay lại EVN bằng đồng Yên nhật.
5.	Nghị quyết Số 122/ NQ-PPC	14/04/2017	Thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.
6.	Nghị quyết Số 123/ NQ-PPC	05/05/2017	Thông qua báo cáo NCKT dự án nâng cấp hệ thống xử lý khí thải - NMNĐ Hải Phòng 1 và 2
7.	Nghị quyết Số 124/ NQ-PPC	11/05/2017	Trả Cổ tức bằng tiền mặt lần 2 năm 2016
8.	Nghị quyết Số 125/ NQ-PPC	29/05/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
9.	Nghị quyết Số 126/ NQ-PPC	12/06/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
10.	Nghị quyết Số 127/ NQ-PPC	28/06/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
11.	Nghị quyết Số 128/ NQ-PPC	29/06/2017	Chốt thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017.
12.	Nghị quyết Số 129/ NQ-PPC	24/07/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
13.	Nghị quyết Số 130/ NQ-PPC	25/07/2017	Thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2017.
14.	Nghị quyết Số 131/ NQ-PPC	15/08/2017	Thông qua việc bán cổ phiếu quỹ.
15.	Số 4305/BB-PPC	29/08/2017	Họp HDQT định kỳ quý 2 năm 2017
16.	Nghị quyết Số 132/ NQ-PPC	16/10/2017	Giao nhiệm vụ Người phụ trách quản trị Công ty.
17.	Nghị quyết Số 133/ NQ-PPC	17/10/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
18.	Số 5421/BB-PPC	09/11/2017	Họp Hội đồng quản trị định kỳ quý 3 năm 2017.
19.	Nghị quyết Số 134/ NQ-PPC	20/11/2017	Tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt.

20.	Nghị quyết Số 135/NQ-PPC	28/11/2017	Bổ nhiệm lại cán bộ quản lý đơn vị
-----	-----------------------------	------------	------------------------------------

Ngoài các Nghị quyết/Quyết định trên trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã ra 162 quyết định về việc phê duyệt các dự thảo Hồ sơ mời thầu; Phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt các phụ lục hợp đồng, Dự thảo hợp đồng liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Các quyết định đều được xin ý kiến bằng văn bản và được đồng thuận cao ý kiến biểu quyết tán thành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần hiện nay có 03 thành viên độc lập không điều hành là ông Nguyễn Văn Thanh – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Ông Nguyễn Quang Quyền và Ông Lê Tuấn Hải là người có nhiều kinh nghiệm trong việc lãnh đạo quản lý và điều hành các Công ty cổ phần, có kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú trong lĩnh vực Đầu tư, tài chính, tiền tệ. Các thành viên HĐQT này đã đóng góp tích cực và xây dựng tầm nhìn chiến lược, quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất hoạt động của Công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không.

f) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Toàn bộ thành viên HĐQT Công ty đều đã tham gia khoá học về Quản trị Doanh Nghiệp.

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát: gồm 3 thành viên:

- 1 - Ông Nguyễn Quang Huy - Trưởng Ban Kiểm soát.
- 2 - Ông Hồ Trung Thành - Thành viên Ban Kiểm soát.
- 3 - Bà Hồ Trần Diệu Lynh - Thành viên Ban Kiểm soát.

b) Các thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Danh sách	Cổ phần sở hữu	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
1.	Ông Nguyễn Quang Huy	4.500	Trưởng ban kiểm soát
2.	Ông Hồ Trung Thành	0	Phó trưởng ban tài chính của EVNGENCO2
3.	Bà Hồ Trần Diệu Lynh	0	Kế toán trưởng Công ty cổ phần cơ điện lạnh REE

c) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, ban điều hành Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại theo Nội dung của Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị .

Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.

Tham gia xây dựng các quy chế quản lý nội bộ phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

a) Thù lao của thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát của Công ty năm 2017:

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đã chi trả tiền lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty; tiền thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát Công ty năm 2017 cụ thể như sau :

Đơn vị tính : đồng

ST T	Họ và Tên	Chức danh	Tổng tiền lương/ thù lao thực lĩnh năm 2017	Ghi chú
I Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc				
1.	Phạm Kim Lâm	Chủ tịch HĐQT	570.636.000	
2.	Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc	621.114.000	
II Tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS				
1.	Nguyễn Thành Trung	Thành viên HĐQT	42.000.000	Miễn nhiệm ngày 08/08/2017
2.	Nguyễn Quang Quyền	Thành viên HĐQT	72.000.000	
3.	Lê Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	72.000.000	
4.	Nguyễn Văn Thanh	Thành viên HĐQT	30.000.000	
5.	Nguyễn Quang Huy	Trưởng BKS	484.553.000	
6.	Hồ Trung Thành	Thành viên BKS	60.000.000	
7.	Hồ Trần Diệu Linh	Thành viên BKS	60.000.000	
Tổng cộng :			2.012.303.000	

b) Giao dịch Cổ phiếu cổ đông nội bộ

i) Ngày 02/02/2017, Tổ chức Halley Sicav - Halley Asian Prosperity - Cổ đông lớn của PPC thực hiện báo cáo giao dịch mua cổ phiếu PPC, cụ thể: Ngày thực hiện giao dịch 22/01/2017; Số lượng cổ phiếu mua: 210.840 CP ; Số lượng CP nắm giữ sau thực hiện: 28.816.290 CP (chiếm 9,06%/vốn điều lệ).

ii) Ngày 14/11/2017, Tổ chức SAMARANG UCITS - SAMARANG ASIAN PROSPERITY báo cáo về việc tổ chức thực hiện mua 29.281.640 CP PPC, nâng số cổ phiếu sở hữu từ 0 CP thành 29.281.640 CP chiếm 9,13%.

iii) Ngày 14/11/2017, Tổ chức Halley Sicav - Halley Asian Prosperity báo cáo về việc thực hiện bán 29.281.640 CP, giảm tỷ lệ sở hữu từ 29.281.640 CP (9.13%) xuống còn 0 CP (0%).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

- Giao dịch với Tổng Công ty Phát điện 2
 - + Cho vay: 250 tỷ đồng
 - + Thu hồi khoản cho vay 593,3 tỷ đồng
 - + Thu nhập lãi cho vay 74,14 tỷ đồng
 - + Chi trả Chia cổ tức 399,34 tỷ đồng
- Giao dịch với Công ty CP Dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc
 - + Mua hàng hóa dịch vụ 2,53 tỷ đồng
 - + Cung cấp HH dịch vụ 0,29 tỷ đồng
- Giao dịch với Công ty mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam
 - + Doanh thu bán điện 6.217 tỷ đồng
- Nhận cổ tức từ các đơn vị do PPC góp vốn: Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng 77,9 tỷ đồng; Công ty CP Phát triển điện Việt Nam 6,49 tỷ đồng; Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn 4,02 tỷ đồng; Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa 0,67 tỷ đồng.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

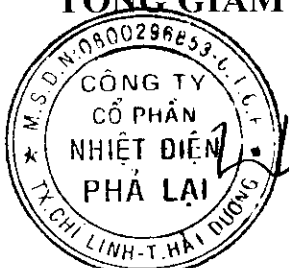
Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại (bản photo) kèm theo.

(Chi tiết quý cổ đông có thể xem báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty trên website <http://www.ppc.evn.vn>) ✓

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HCM;
- <http://www.ppc.evn.vn>
- Lưu VT, TCKT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Thư

**CHI TIẾT TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, GÓP VỐN VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC
(TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2017)**

Kèm theo báo cáo xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông 2018

STT	Nội dung	Số tiền đầu tư	Hiệu quả đầu tư	Ghi chú
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	208.919.479.866	Lãi suất tiền gửi bình quân theo thị trường $\approx 5,5\%/năm$	Trong đó: Tương đương tiền: 176 tỷ
2	Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	550.000.000.000	Lãi suất tiền gửi bình quân theo thị trường từ $6,5\%/năm$ đến $7,0\%/năm$	
3	Các khoản cho huy động vốn	1.883.470.467.665		
3.1	GENCO 2 huy động vốn	603.470.467.665	Lãi nhận được: 74,14 tỷ	LS BQ 04 NH + biên $0,5\%/năm$
3.2	Tập đoàn điện lực VN	1.280.000.000.000	Lãi nhận được: 168,49 tỷ	Trong đó 1.000 tỷ, với LS được tính bằng BQ 04 NH + biên $1,5\%/năm$; 280 tỷ lãi suất bằng LSBQ + biên $3\%/năm$
4	Đầu tư các dự án điện	2.535.898.887.550		
4.1	Công ty CP Dịch vụ SC Nhiệt điện miền Bắc	0	Có tức năm 2016: 0%	PPC đã thoái vốn thành công ngày 17/2/2017
4.2	Công ty CP Nhiệt điện Hải Phòng	1.451.055.770.150	Trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2016 là 3% và tạm ứng cục bằng tiền mặt 2017 là 3%	Công ty liên kết ($25,97\%/VĐL$)
4.3	Công ty CP Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 có lãi	$16,35\%/VĐL$
4.4	Công ty CP EVN quốc tế	70.800.000.000	Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 có lãi	
4.5	Công ty CP thủy điện Buôn đôn	50.250.000.000	Cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu là $13,5\%$, cổ tức bằng tiền là: $7,048\%$	$15\%/VĐL$
4.6	Công ty CP phát triển điện lực VN	100.000.000.000	Cổ tức năm 2016 là $5,97\%$	$10\%/VĐL$
4.7	Cổ phiếu Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000	Cổ tức năm 2016 là 10%	670.000 CP



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên (từ ngày 8 tháng 8 năm 2017)
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên (đến ngày 7 tháng 8 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thùy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại
Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

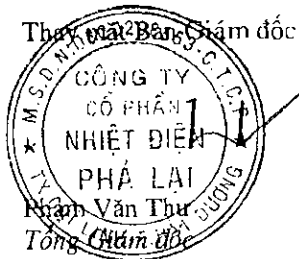
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Tỉnh Hải Dương, ngày 21 tháng 3 năm 2018

20
N
C
P
71



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

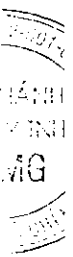
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-01-231



Hà Vũ Đình
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.585.591.829.936	5.935.590.939.571
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	208.919.479.866	777.870.748.740
Tiền	111		32.919.479.866	37.870.748.740
Các khoản tương đương tiền	112		176.000.000.000	740.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		550.000.000.000	2.110.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	550.000.000.000	2.110.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.259.537.240.122	2.662.374.471.332
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	1.322.020.384.792	1.615.790.116.047
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		443.066.799	2.165.489.951
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10(a)	950.303.600.712	1.053.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		664.241.044	1.353.411.899
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(13.894.053.225)	(10.734.546.565)
Hàng tồn kho	140	12(a)	551.615.005.970	383.564.482.713
Hàng tồn kho	141		651.563.450.850	436.191.806.118
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(99.948.444.880)	(52.627.323.405)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.520.103.978	1.781.236.786
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.498.624	-
Thuê phải thu Nhà nước	153	17(b)	15.461.605.354	1.781.236.786

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.962.855.263.587	4.789.523.245.647
Các khoản phải thu dài hạn	210		933.166.866.953	1.707.970.467.665
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10(b)	933.166.866.953	1.707.970.467.665
Tài sản cố định	220		302.689.389.707	325.946.507.577
Tài sản cố định hữu hình	221	13	302.550.669.915	325.477.065.121
Nguyên giá	222		13.392.457.591.910	13.380.203.267.171
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.089.906.921.995)	(13.054.726.202.050)
Tài sản cố định vô hình	227	14	138.719.792	469.442.456
Nguyên giá	228		58.730.276.512	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.591.556.720)	(58.260.834.056)
Tài sản dở dang dài hạn	240		384.664.348.918	380.035.835.353
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	384.664.348.918	380.035.835.353
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.269.401.556.350	2.204.882.437.712
Đầu tư vào công ty con	251	8(b)	-	27.476.250.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	8(b)	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	8(b)	1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(b)	(266.497.331.200)	(358.492.699.838)
Tài sản dài hạn khác	260		72.933.101.659	170.687.997.340
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.504.309.693	2.076.371.904
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	71.428.791.966	168.611.625.436
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.548.447.093.523	10.725.114.185.218

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	2.071.503.115.178	5.352.300.604.686
Nợ ngắn hạn	310	1.564.978.115.178	1.526.835.929.945
Phải trả người bán ngắn hạn	311 16	579.481.217.926	280.329.074.737
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	252.287.753	362.005.407
Thuế phải nộp Nhà nước	313 17(a)	48.334.585.383	72.502.474.870
Phải trả người lao động	314	61.383.091.780	57.771.455.147
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 18	383.689.397.295	410.818.859.385
Phải trả ngắn hạn khác	319 19	3.080.781.208	270.695.675.422
Vay ngắn hạn	320 20(a)	443.598.262.405	364.329.971.543
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 21	45.158.491.428	70.026.413.434
Nợ dài hạn	330	506.525.000.000	3.825.464.674.741
Vay dài hạn	338 20(b)	506.525.000.000	3.825.464.674.741
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	5.476.943.978.345	5.372.813.580.532
Vốn chủ sở hữu	410 22	5.476.943.978.345	5.372.813.580.532
Vốn cổ phần	411 23	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692.500.615	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	171.214.559.929	160.144.544.191
Cổ phiếu quỹ	415	(87.388.368.719)	(125.602.728.849)
Quỹ đầu tư phát triển	418 25	539.635.616.751	541.669.911.034
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.579.439.669.769	1.534.251.854.156
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.110.176.834.751	1.189.807.225.387
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	469.262.835.018	344.444.628.769
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	7.548.447.093.523	10.725.114.185.218

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phan Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	6.235.981.560.327	5.865.840.752.572
Giá vốn hàng bán	11	28	5.445.269.600.925	5.397.628.888.893
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		790.711.959.402	468.211.863.679
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	412.270.190.612	531.255.162.342
Chi phí tài chính	22	30	119.937.680.022	253.577.896.838
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		72.132.217.450	125.359.277.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	80.673.450.670	87.339.442.472
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 26)	30		1.002.371.019.322	658.549.686.711
Thu nhập khác	31		10.168.835.199	3.138.885.737
Chi phí khác	32		9.343.825.444	4.172.712.243
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		825.009.755	(1.033.826.506)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.003.196.029.077	657.515.860.205
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	149.197.529.259	58.547.540.236
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		853.998.499.818	598.968.319.969
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.680	2.063

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Lê Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.003.196.029.077	657.515.860.205
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	37.038.126.354	63.125.325.861
Các khoản dự phòng	03	10.915.753.058	(91.776.418.521)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	29.965.389.895	206.534.726.856
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(410.060.667.306)	(522.741.567.057)
Chi phí lãi vay	06	72.132.217.450	125.359.277.566
		<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	743.186.848.528	438.017.204.910
Biến động các khoản phải thu	09	(915.698.413.558)	(541.474.653.906)
Biến động hàng tồn kho	10	(170.619.304.823)	113.115.268.053
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	299.846.207.102	(79.240.124.706)
Biến động chi phí trả trước	12	513.563.587	944.813.903
		<hr/>	<hr/>
		(42.771.099.164)	(68.637.491.746)
Tiền lãi vay đã trả	14	(96.128.215.285)	(126.674.848.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(187.410.366.649)	(9.224.007.437)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(58.121.683.156)	(36.463.407.448)
		<hr/>	<hr/>
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(384.431.364.254)	(240.999.754.797)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(18.409.522.049)	(78.030.609.302)
Tiền chi cho các khoản cho vay	23	(800.000.000.000)	(2.397.970.467.665)
Tiền thu hồi cho vay	24	3.238.300.000.000	3.101.200.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	60.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	465.365.333.973	484.306.233.538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.945.255.811.924	1.109.505.156.571
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	49.906.860.745	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.300.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.459.265.820.189)	-
Tiền trả cổ tức	36	(1.020.416.757.100)	(794.884.615.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.129.775.716.544)	(794.884.615.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(568.951.268.874)	73.620.786.149
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	777.870.748.740	704.249.962.591
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	208.919.479.866	777.870.748.740


Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

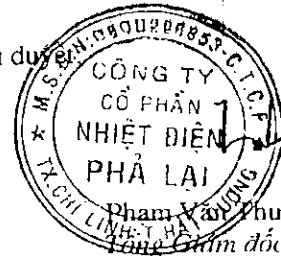


Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty đã thoái vốn toàn bộ 2.500.000 cổ phần tại công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc. Do vậy, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất từ thời điểm mất quyền kiểm soát với đơn vị này.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 8(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1.210 nhân viên (1/1/2017: 1.266 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các thuyết minh 3(a) và 3(h).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty áp dụng chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”).

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn của Nghị định 82, các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm phát sinh.

Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Nghị định 82 trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo quy định chung của Thông tư 200.

Việc áp dụng Công văn 3003 không có ảnh hưởng trọng yếu lên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị còn lại của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ cùng giảm một khoản là 368.268.882.010 VND (1/1/2017: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 374.294.010.447 VND) (Thuyết minh 15 và Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế lần lượt đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ các ngày 16 tháng 3 năm 2017 và ngày 28 tháng 2 năm 2017 (“ngày niêm yết”). Do đó, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này (Thuyết minh 8(b)) dựa vào giá thị trường kể từ ngày niêm yết. Trước ngày niêm yết, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này được lập khi hai công ty này phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Sự thay đổi ước tính kế toán này đã làm chi phí tài chính giảm 32.274.782.142 VND và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế đã tăng lần lượt là 4.841.217.321 VND và 27.433.564.821 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: Không), các tài khoản “Thuế phải nộp Nhà nước” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đã tăng lần lượt là 4.841.217.321 VND và 27.433.564.821 VND và “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” đã giảm 32.274.782.142 VND trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không).

5. Thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty đã bán đấu giá toàn bộ 2.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc thu về 60 tỷ VND. Theo đó, Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát và không còn sở hữu cổ phần nào của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

6. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	11.555	1.206.755
Tiền gửi ngân hàng	32.919.468.311	37.869.541.985
Các khoản tương đương tiền	176.000.000.000	740.000.000.000
	208.919.479.866	777.870.748.740

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	550.000.000.000	2.110.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm từ 6,5% đến 7,0% (2016: 6,2% đến 7,5%).

Khoản đầu tư này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCTG/NHCT146-NHIETDIENPHALAI ngày 17 tháng 5 năm 2017 (Thuyết minh 20(a)).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

					31/12/2017		Giá trị hợp lý VND
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
▪ <i>Công ty liên kết</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	(i) Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
▪ <i>Đơn vị khác</i>							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh Đà Nẵng	73.587.291 7.080.000	16,35% 19,30%	16,35% 19,30%	817.295.117.400 70.800.000.000	(213.879.331.200) (14.160.000.000)	603.415.786.200 56.640.000.000
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế							
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	5.025.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	160.973.591.200
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(38.458.000.000)	8.040.000.000
					1.084.843.117.400	(266.497.331.200)	
					2.535.898.887.550	(266.497.331.200)	

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2017						
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Dầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty con							
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	2.500.000	50,00%	60,00%	27.476.250.000	-	(*)
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hai Phòng	Hai Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(321.039.699.838)	(*)
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Dà Nẵng	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	5.025.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(37.453.000.000)	9.045.000.000
					1.084.843.117.400	(358.492.699.838)	
					2.563.375.137.550	(358.492.699.838)	

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác khoáng sản; bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo công trình nhiệt điện; dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện và đào tạo, dạy nghề quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	358.492.699.838	445.655.921.755
Trích lập dự phòng trong năm	15.165.000.000	9.559.149.665
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(107.160.368.638)	(96.722.371.582)
Số dư cuối năm	<u>266.497.331.200</u>	<u>358.492.699.838</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.269.243.237.201	1.474.727.642.218
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*)	17.373.269.593	17.373.269.593
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**)	32.556.611.111	120.385.027.778
Các khách hàng khác	2.847.266.887	3.304.176.458
	1.322.020.384.792	1.615.790.116.047

(*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-C-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014.

(**) Khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015, theo đó khoản dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào phải thu của khách hàng.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.269.243.237.201	1.474.727.642.218

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Biến động trong năm			
	1/1/2017	Tăng	Khoản cho vay	31/12/2017
	Giá trị ghi số	Tăng	dài hạn	Giá trị ghi số
	VND	VND	VND	VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	-	250.000.000.000	-	175.500.000.000
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	1.053.800.000.000	962.970.467.665	(188.166.866.953)	774.803.600.712
	1.053.800.000.000	1.212.970.467.665	(188.166.866.953)	950.303.600.712

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (“Genco 2”), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHĐV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cổ phần của Công ty sở hữu bởi Genco 2 có mệnh giá 1.664 tỷ VND (1/1/2017: 1.664 tỷ VND).



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cho vay dài hạn	1.707.970.467.665	2.761.770.467.665
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(774.803.600.712)	(1.053.800.000.000)
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	933.166.866.953	1.707.970.467.665

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
• Các khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ	VND	7,03%	2018 - 2019	427.970.467.665	946.770.467.665
• Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	9,53%	2018 - 2025	280.000.000.000	315.000.000.000
• Khoản ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	8,03%	2018 - 2019	1.000.000.000.000	1.500.000.000.000
				1.707.970.467.665	2.761.770.467.665

(*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không có đảm bảo và đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCQT/NHCT146-NHIETDIENPHALA1 ngày 16 tháng 5 năm 2017 (Thuyết minh 20(a)).

(Handwritten signature)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH Quân lý Quý Dầu tư Chứng khoán Bảo Việt	trên 2 năm	17.373.269.593	(13.067.680.072)	4.305.589.521
	trên 2 năm	826.373.153	(826.373.153)	-
Khác		18.199.642.746	(13.894.053.225)	4.305.589.521
				17.373.269.593
				882.468.653
				18.255.738.246
				(10.197.287.056)
				(537.259.509)
				7.175.982.537
				345.209.144
				7.521.191.681
Trong đó:				
Dự phòng phải thu khó đòi hạn ngắn hạn		(13.894.053.225)		(10.734.546.565)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.734.546.565	7.716.432.800
Trích lập dự phòng trong năm	3.159.506.660	3.018.113.765
	13.894.053.225	10.734.546.565

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Dự phòng VND Đã phân loại lại
Vật tư và nhiên liệu	648.059.812.571	(97.932.169.517)	430.873.762.859	(50.677.619.617)
Công cụ và dụng cụ	3.485.043.974	(2.016.275.363)	5.264.025.418	(1.949.703.788)
Dịch vụ dở dang	18.594.305	-	54.017.841	-
	651.563.450.850	(99.948.444.880)	436.191.806.118	(52.627.323.405)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Dự phòng VND Đã phân loại lại
Công cụ và dụng cụ	244.786.896.270	(173.358.104.304)	289.539.236.179	(120.927.610.743)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ngắn hạn và dài hạn, như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	173.554.934.148	181.186.244.517
Trích lập dự phòng trong năm	99.751.615.036	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(7.631.310.369)
Số dư cuối năm	<u>273.306.549.184</u>	<u>173.554.934.148</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.706.069.733.049	11.554.108.133.749	77.231.694.183	40.124.443.450	2.669.262.740	13.380.203.267.171
Tăng trong năm	2.236.318.484	2.634.915.335	-	665.270.000	112.040.000	5.648.543.819
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	8.132.464.665	-	-	-	8.132.464.665
Xoá số	-	-	(1.160.343.890)	(283.539.855)	(82.800.000)	(1.526.683.745)
Số dư cuối năm	1.708.306.051.533	11.564.875.513.749	76.071.350.293	40.506.173.595	2.698.502.740	13.392.457.591.910
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.411.814.138.968	11.535.364.020.620	65.742.629.325	39.175.741.654	2.629.671.483	13.054.726.202.050
Khấu hao trong năm	26.234.061.740	6.605.365.107	3.195.973.498	642.830.267	29.173.078	36.707.403.690
Xoá số	-	-	(1.160.343.890)	(283.539.855)	(82.800.000)	(1.526.683.745)
Số dư cuối năm	1.438.048.200.708	11.541.969.385.727	67.778.258.933	39.535.032.066	2.576.044.561	13.089.906.921.995
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	294.255.594.081	18.744.113.129	11.489.064.858	948.701.796	39.591.257	325.477.065.121
Số dư cuối năm	270.257.850.825	22.906.128.022	8.293.091.360	971.141.529	122.458.179	302.550.669.915

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 12.589 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 12.436 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	845.932.424	58.260.834.056
Khấu hao trong năm	-	330.722.664	330.722.664
Số dư cuối năm	57.414.901.632	1.176.655.088	58.591.556.720
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	469.442.456	469.442.456
Số dư cuối năm	-	138.719.792	138.719.792

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 57,7 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 57,7 tỷ VND).

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	380.035.835.353	305.314.133.232
Tăng trong năm	12.761.887.340	75.445.183.191
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.132.464.665)	(459.267.009)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(55.254.716)
Giảm khác	(909.110)	(208.959.345)
	384.664.348.918	380.035.835.353

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định (Thuyết minh 3(h))	368.268.882.010	374.294.010.447
Xây dựng cơ bản khác	16.395.466.908	5.741.824.906
	384.664.348.918	380.035.835.353

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	239.451.805.746	-
Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	134.443.278.468	20.928.960.240
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	87.476.812.224	62.170.947.893
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	39.980.739.735	45.974.033.785
Viện Nghiên cứu Cơ khí	13.316.813.313	55.036.990.237
Công ty Kinh doanh Than Bắc Lạng	-	13.084.943.681
Các nhà cung cấp khác	64.811.768.440	83.133.198.901
	579.481.217.926	280.329.074.737

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cấn trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.008.078.502	633.511.407.086	(645.519.485.588)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.332.170.648	149.197.529.259	(187.410.366.649)	19.119.333.258
Thuế tài nguyên	2.917.773.720	68.704.248.720	(44.881.146.855)	26.740.875.585
Thuế nhà đất	-	15.831.544.000	(15.831.544.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.735.498.346	(5.619.387.846)	116.110.500
Các loại thuế khác	244.452.000	2.972.320.107	(858.506.067)	2.358.266.040
	72.502.474.870	875.952.547.518	(900.120.437.005)	48.334.585.383

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	520.092.586.323	(504.630.980.969)	15.461.605.354
Thuế thu nhập cá nhân	1.781.236.786	-	(1.781.236.786)	-
	1.781.236.786	520.092.586.323	(506.412.217.755)	15.461.605.354

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn (*)	368.268.882.010	374.294.010.447
Chi phí lãi vay	8.370.165.788	32.366.163.623
Khác	7.050.349.497	4.158.685.315
	<hr/>	<hr/>
	383.689.397.295	410.818.859.385
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm nhưng chưa quyết toán (Thuyết minh 3(h)).

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.768.120.701	256.663.676.201
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	-	9.887.317.348
Bảo hiểm thất nghiệp	-	501.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	31.485.558
Phải trả khác	312.660.507	3.612.196.315
	<hr/>	<hr/>
	3.080.781.208	270.695.675.422
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND
Vay ngắn hạn	-	1.300.000.000.000	(1.300.000.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	364.329.971.543	429.607.872.510	(364.329.971.543)	13.990.389.895
	364.329.971.543	1.729.607.872.510	(1.664.329.971.543)	13.990.389.895
				443.598.262.405

(b) Vay dài hạn

	1/1/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả VND	Biến động trong năm	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND
Vay dài hạn	3.825.464.674.741	(429.607.872.510)	(2.905.306.802.231)	15.975.000.000
				506.525.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	950.123.262.405	4.189.794.646.284
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(443.598.262.405)	(364.329.971.543)
<hr/>		
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	506.525.000.000	3.825.464.674.741
<hr/>		

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất	JPY	2,5%	2028	950.123.262.405	4.189.794.646.284
<hr/>					

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay là 2,5% một năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% một năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	70.026.413.434	48.972.820.882
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	33.253.761.150	57.517.000.000
Sử dụng trong năm	(58.121.683.156)	(36.463.407.448)
<hr/>		
Số dư cuối năm	45.158.491.428	70.026.413.434
<hr/>		

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.262.350.000.000	-	157.128.522.365	(125.602.728.849)	487.842.267.483	2.099.554.425.764	5.881.272.486.763
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	598.968.319.969	598.968.319.969
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	3.016.021.826	-	(3.016.021.826)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	56.843.665.377	(56.843.665.377)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(57.517.000.000)	(57.517.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(1.049.910.226.200)	(1.049.910.226.200)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.262.350.000.000	-	160.144.544.191	(125.602.728.849)	541.669.911.034	1.534.251.854.156	5.372.813.580.532
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	853.998.499.818	853.998.499.818
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	11.070.015.738	-	(11.070.015.738)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	9.035.721.455	(9.035.721.455)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(33.253.761.150)	(33.253.761.150)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	11.692.500.615	-	38.214.360.130	-	-	49.906.860.745
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(766.521.201.600)	(766.521.201.600)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.262.350.000.000	11.692.500.615	171.214.559.929	(87.388.368.719)	539.635.616.751	1.579.439.669.769	5.476.943.978.345

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	8.080.386	125.602.728.849
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.174.961.631.281	318.154.614	3.136.747.271.151

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	318.154.614	3.136.747.271.151	318.154.614	3.136.747.271.151
Ảnh hưởng của phát hành lại cổ phiếu quỹ	2.458.440	38.214.360.130	-	-
Số dư cuối năm	320.613.054	3.174.961.631.281	318.154.614	3.136.747.271.151

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 15 tháng 8 năm 2017, Công ty đã đăng ký phát hành lại 8.080.386 cổ phiếu quỹ. Kết thúc giao dịch, Công ty đã tái phát hành lại được 2.458.440 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 636 tỷ VND (tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu), trong đó có 255 tỷ đã được trích vào cuối năm 2016 (2016: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là 795 tỷ VND, tương đương 2.500 VND trên một cổ phiếu).

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 11 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 cho cổ đông là 385 tỷ VND (tỷ tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu) (2016: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016: 255 tỷ VND, tương đương 800 VND trên một cổ phiếu).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Trong vòng hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	468.464.192.667	482.378.970.667
	<hr/>	<hr/>
	538.038.082.667	551.952.860.667

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán điện	6.217.491.492.653	5.844.305.898.985
Doanh thu bán xỉ và phế liệu	18.490.067.674	21.534.853.587
	<hr/> 6.235.981.560.327	<hr/> 5.865.840.752.572

28. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	4.551.257.059.904	4.560.843.353.923
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	320.357.098.271	320.802.341.872
Chi phí nhân công	226.208.061.738	207.625.041.729
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	99.751.615.036	-
Chi phí bảo trì	81.764.887.933	155.037.886.361
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.601.598.237	56.617.942.424
Chi phí điện mua ngoài	40.402.648.542	35.794.551.009
Chi phí khác	92.926.631.264	60.907.771.575
	<hr/> 5.445.269.600.925	<hr/> 5.397.628.888.893

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	288.444.951.988	396.961.742.307
Cổ tức được chia	89.091.965.318	129.855.806.000
Lãi từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	32.523.750.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.209.523.306	4.437.614.035
	<hr/> 412.270.190.612	<hr/> 531.255.162.342

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	72.132.217.450	125.359.277.566
Lỗ chênh lệch tỷ giá	109.461.737.986	4.641.855.685
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	29.965.389.895	206.534.726.856
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính	-	4.075.981.250
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(91.995.368.638)	(87.163.221.917)
Chi phí tài chính khác	373.703.329	129.277.398
	119.937.680.022	253.577.896.838

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	45.480.167.644	45.924.057.698
Dự phòng phải thu khó đòi	3.159.506.660	3.018.113.765
Chi phí vật tư quản lý	1.101.050.341	4.989.980.718
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.440.091.595	5.151.841.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.112.707.858	5.844.480.561
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.839.044.180	4.534.212.759
Chi phí khác	18.540.882.392	17.876.755.966
	80.673.450.670	87.339.442.472

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	4.551.257.059.904	4.646.462.725.124
Chi phí nhân công	271.688.229.382	253.549.099.427
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.038.126.354	63.125.325.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.220.338.854	114.665.616.790
Chi phí sửa chữa lớn	320.357.098.271	320.802.341.872
Chi phí khác	213.382.198.830	86.363.222.291

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	148.741.500.217	58.108.914.236
Dự phòng thiếu trong những năm trước	456.029.042	438.626.000
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	149.197.529.259	58.547.540.236
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.003.196.029.077	657.515.860.205
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	150.479.404.362	98.627.379.031
Ưu đãi thuế	-	(28.650.253.765)
Thu nhập không bị tính thuế	(13.363.794.798)	(19.478.370.900)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	10.543.630.977	7.364.665.118
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.082.259.676	245.494.752
Dự phòng thiếu trong những năm trước	456.029.042	438.626.000
	<hr/>	<hr/>
	149.197.529.259	58.547.540.236
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20% năm 2017 (2016: 20%).

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2016: 20%).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	853.998.499.818	598.968.319.969
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	853.998.499.818	598.968.319.969
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	853.998.499.818	598.968.319.969

(*) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	318.154.614	318.154.614
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	545.572	-
	318.700.186	318.154.614
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày	318.700.186	318.154.614

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	3.376.888.988.454	376.835.128.219
Chi phí lãi vay	58.240.436.627	125.359.277.566
Thu nhập lãi cho vay	168.492.838.888	142.187.222.222
Thu hồi khoản cho vay	535.000.000.000	535.000.000.000
Mua điện	39.254.061.212	32.581.311.956
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cho vay	250.000.000.000	427.970.467.665
Thu hồi khoản vay	593.300.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	74.143.284.310	68.074.733.450
Chia cổ tức	399.340.550.400	549.093.256.800
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.531.861.864	116.612.865.433
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	297.909.287	731.893.608
Thu nhập từ lãi phạt	-	14.000.000
Cổ tức được chia	-	3.750.000.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	6.217.491.492.653	5.843.015.018.884
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	77.910.000.000	116.865.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	6.492.226.618	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	4.019.738.700	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	670.000.000	670.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt Ban Giám đốc		
Lương, thưởng Ban Giám đốc	2.635.948.000	2.343.831.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Cán trừ phần nợ gốc vay với khoản phải thu tiền điện từ Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.110.370.953.585	376.835.128.219
Chuyển khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản phải thu của khách hàng	-	14.351.965.073
Chuyển khoản cho vay ngắn hạn thành khoản cho vay dài hạn	188.166.866.953	946.770.467.665

37. Số liệu so sánh

Công ty đã phân loại lại nguyên vật liệu sang thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn theo công văn số 1272/GENCO2-TCKT ngày 4 tháng 5 năm 2017, đồng thời phân loại lại số dư đầu năm trên bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 cho mục đích so sánh. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 VND (đã phân loại lại)	1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	436.191.806.118	725.731.042.297
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.627.323.405)	(173.554.934.148)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	168.611.625.436	-

Các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang dựa trên số liệu trích từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc